

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 243/2023/HS-ST

Ngày 27/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Đức;
- Bà Trần Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 233/2023/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Cao Văn Đ**, sinh ngày 23/10/1995 tại: Thái Bình. Nơi cư trú: Đường H, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Cao Thiên C (đã chết) và bà Vũ Thị N; vợ: Phạm Thị Nhất L; chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 24/8/2023 đến ngày 30/8/2023 chuyển tạm giam đến nay.

2. **Bùi Trọng T**, sinh ngày 20/02/1995 tại: Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện K, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Bùi Trọng G và bà Tạ Thị O; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 24/8/2023 đến ngày 30/8/2023 chuyển tạm giam đến nay.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Văn H1, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn V, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

** Người chứng kiến:*

- Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Anh Lê Viết H2, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, vắng mặt anh H1, anh H2, chị D).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 24/8/2023, Cao Văn Đ đi bộ từ nhà ra khu vực ngã tư N, phường L, thành phố T gặp và mua của một nam thanh niên không rõ tên, tuổi, địa chỉ 01 túi ma túy đá với giá 300.000 đồng, mục đích mang về nhà bán kiếm lời. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Đ đang ở nhà thì Trần Văn H1, sử dụng số điện thoại 0966325924 gọi vào số điện thoại 0964389578 của Đ hỏi Đ đang ở đâu, Đ trả lời đang ở nhà thì H1 hỏi: “Đề cho túi đồ năm trăm”, Đ hiểu ý H1 hỏi mua túi ma túy đá giá 500.000 đồng. Đ đồng ý và hẹn H1 đến nhà Đ. Khoảng 15 phút sau, khi Đ đang làm ở phía sau nhà thì H1 lại gọi điện cho Đ nói đã đến nhà. Đ nói cứ đi ra phía cửa nhà Đ tí có người đưa cho. Đ nhìn thấy Bùi Trọng T đang ở nhà Đ, Đ nói với T: “Bạn vào lấy trong ngăn kéo tủ giày dép túi “đồ” (ma túy đá) ra đưa cho khách rồi lấy 500.000 đồng”, T hiểu ý Đ nói lấy ma túy ra bán cho khách nên T đi vào nhà lấy từ trong ngăn kéo tủ giày dép 01 túi ma túy đá mang ra đưa cho H1, khi T cầm túi ma túy đá ra đưa cho H1 và nhận số tiền 500.000 đồng H1 đưa thì bị tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình phát hiện. Tại đây, trước sự chứng kiến của anh Lê Viết H2 và chị Nguyễn Thị D, tổ công tác kiểm tra người H1 thu giữ 01 túi nilon trong suốt, bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt, H1 khai đó là túi ma túy đá vừa mua của T với giá 500.000 đồng để về sử dụng và thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh đã cũ. Thu giữ của T 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu hồng đã cũ và 01 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng, T khai đó là tiền vừa bán ma túy cho H1 giúp Đ mà có. Thu giữ của Cao Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đã cũ.

Cùng ngày cơ quan Điều tra Công an tỉnh Thái Bình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Cao Văn Đ và Bùi Trọng T không phát hiện, thu giữ gì.

Bản kết luận giám định số 1285/KL-KTHS ngày 28/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “Mẫu vật trong phong bì gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0456 gam”.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu.

Bản cáo trạng số 240/CT – VKSTPTB ngày 24/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Cao Văn Đ và Bùi Trọng T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17, Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự:

- Đề nghị xử phạt bị cáo Cao Văn Đ từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2023. Phạt bị cáo 05 đến 07 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Trọng T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2023. Phạt bị cáo 03 đến 05 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đã cũ thu giữ của Cao Văn Đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh đã cũ thu giữ của Trần Văn H1 và 01 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng.

- Trả lại bị cáo Bùi Trọng T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng đã qua sử dụng.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa và không tranh luận.

Các bị cáo đều nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và còn được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong vật chứng; Biên bản kiểm tra điện thoại; Bản kết luận giám định số 1285/KL-KTHS ngày 28/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận; Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, của những người chứng kiến; Các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 14 giờ 45 phút ngày 24/8/2023, tại khu vực đường H, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình, Bùi Trọng T đã có hành vi bán trái phép 01 túi ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0456 gam cho Trần Văn H1, sinh năm 1982, trú thôn V, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình lấy 500.000 đồng, bị tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt quả tang. Túi ma túy trên là của Cao Văn Đ nhờ Bùi Trọng T bán cho Trần Văn H1.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, gây hoang mang, lo ngại cho quần chúng nhân dân. Các bị cáo đã nhận thức rõ việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện sự coi thường pháp luật.

[4] Vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn; Cao Văn Đ là người bỏ tiền ra mua ma túy, trực tiếp giao dịch với Trần Văn H1 để bán ma túy và được hưởng lợi từ số tiền bán ma túy, nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bùi Trọng T là người giúp Đ cầm ma túy bán cho H1 nhưng không được hưởng lợi gì nên có vai trò thấp hơn.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, là những người có nhân thân tốt. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt:

[6.1] Hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Cần thiết phải xử phạt mức hình phạt nghiêm minh với hành vi phạm tội của các bị cáo và phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[6.2] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Cao Văn Đ bán ma túy với mục đích kiếm lời nên áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung bị cáo 05 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước. Bị cáo Bùi Trọng T bán ma túy hộ bị cáo Cao Văn Đ không được hưởng lợi, không phạt bổ sung bị cáo Bùi Trọng T.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng:

[8.1] Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đã cũ thu giữ của Cao Văn Đ và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh đã cũ thu giữ của Trần Văn H1 đã dùng để liên lạc mua, bán ma túy; tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng do phạm tội mà có, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[8.2] Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng đã cũ thu giữ của bị cáo Bùi Trọng T không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo T.

[9] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo Cao Văn Đ khai mua một nam thanh niên không biết tên, tuổi, địa chỉ tại khu vực ngã tư Lạc Đạo, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Cao Văn Đ và Bùi Trọng T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Cao Văn Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 24/8/2023. Phạt bổ sung bị cáo Cao Văn Đ 5.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Trọng T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 24/8/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự:

3.1. Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đã cũ thu giữ của Cao Văn Đ; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh đã cũ thu giữ của Trần Văn H1 và tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng.

3.2. Trả lại bị cáo Bùi Trọng T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng đã qua sử dụng.

(Vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Bình và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 24/11/2023).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/12/2023). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ/.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Chu Thị Tuyết

